ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐỊNH BIÊN**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 568 /QĐ-UBND	*Định Biên, ngày 04 tháng 07 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước xã Định Biên quý II và 6 tháng đầu năm 2022

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỊNH BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 7686/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Định Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã về phê chuẩn quyết dự ngân sách nhà nước xã Định Biên năm 2022;

Xét đề nghị của Ban Tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I và 6 tháng đầu năm 2022 xã Định Biên

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch và P.Chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành thuộc xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu VP, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ma Thịnh Giáp

UBND XÃ ĐỊNH BIÊN

Biểu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II/2022	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**4.729.000.000**	**3.030.199.490**	**64,08**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	35.000.000	195.430.500	558,37
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	202.000.000	-	0,00
3	Thu bổ sung	4.492.000.000	2.834.768.990	63,11
	- Thu bổ sung cân đối	4.492.000.000	1.077.000.000	23,98
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	1.757.768.990	
4	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**4.729.000.000**	**1.355.572.789**	**28,67**
1	Chi đầu tư phát triển	180.000.000		
2	Chi thường xuyên	4.464.000.000	1.268.427.789	28,41
3	Dự phòng	85.000.000	87.145.000	102,52

Biểu số 114/CKTC-NSNN

UBND XÃ ĐỊNH BIÊN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**4.757.000.000**	**4.724.000.000**	**3.044.823.491**	**3.030.199.490**	**64,0**	**64,1**
I	**Các khoản thu 100%**	**35.000.000**	**35.000.000**	**195.430.500**	**195.430.500**	**558,4**	**558,4**
	- Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	14.110.500	14.110.500	56,4	56,4
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			180.720.000	180.720.000		
	- Thu khác	10.000.000	10.000.000	600.000	600.000	6,0	6,0
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**230.000.000**	**197.000.000**	**14.624.001**	**-**	**6,4**	**0,0**
1	Các khoản thu phân chia	22.000.000	17.000.000	-	-	0,0	0,0
-	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
-	- Thuế GTGT	17.000.000	17.000.000	-	-	0,0	0,0
-	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.000.000	-	-	-		
-	- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	208.000.000	180.000.000	14.624.001	-	7,0	0,0
-	- Thu cấp quyền sử dụng đất	200.000.000	180.000.000	-	-	0,0	0,0
-	- Thuế thu nhập cá nhân	8.000.000	-	14.624.001			
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**				-		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.492.000.000**	**4.492.000.000**	**2.834.768.990**	**2.834.768.990**	**63,1**	**63,1**
-	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.492.000.000	4.492.000.000	1.077.000.000	1.077.000.000	24,0	24,0
-	- Bổ sung có mục tiêu	-	-	1.757.768.990	1.757.768.990		

UBND XÃ ĐỊNH B IÊN

Biểu số 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XÂY DỰNG CƠ BẢN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XÂY DỰNG CƠ BẢN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**4.729.000.000**	**180.000.000**	**4.549.000.000**	**1.062.661.311**		**1.355.572.789**	**22,47**		**29,80**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thôn tin	31.500.000		31.500.000	-		6.000.000	0,00		19,05
5	Chi phát thanh truyền thanh	-								
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000			17.220.000	0,00		76,53
7	Chi bảo vệ môi trường	-								
8	Chi các hoạt động kinh tế	211.500.000	180.000.000	31.500.000						0,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.203.500.000		4.203.500.000	1.062.661.311		1.190.547.789	25,28		28,32
10	Chi cho công tác xã hội	175.000.000		175.000.000	-			0,00		0,00
11	Chi khác	-					54.660.000			
12	Dự phòng ngân sách	85.000.000		85.000.000	-		87.145.000	0,00		102,52

UBND XÃ ĐỊNH BIÊN

Biểu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II/2022	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**4.729.000.000**	**4.486.270.029**	**94,87**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	35.000.000	194.153.000	554,72
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	202.000.000	196.348.039	97,20
3	Thu bổ sung	4.492.000.000	4.095.768.990	91,18
	- Thu bổ sung cân đối	4.492.000.000	2.338.000.000	52,05
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	1.757.768.990	
4	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**4.729.000.000**	**2.418.234.100**	**51,14**
1	Chi đầu tư phát triển	180.000.000		
2	Chi thường xuyên	4.464.000.000	2.331.089.100	52,22
3	Dự phòng	85.000.000	87.145.000	102,52

UBND XÃ ĐỊNH BIÊN

Biểu số 114/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**4.757.000.000**	**4.729.000.000**	**4.518.815.590**	**4.486.270.029**	**95,0**	**94,9**
I	**Các khoản thu 100%**	**35.000.000**	**35.000.000**	**194.153.000**	**194.153.000**	**554,7**	**554,7**
	- Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	12.833.000	12.833.000	51,3	51,3
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			180.720.000	180.720.000		
	- Thu khác	10.000.000	10.000.000	600.000	600.000	6,0	6,0
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**230.000.000**	**202.000.000**	**228.893.600**	**196.348.039**	**99,5**	**97,2**
1	Các khoản thu phân chia	22.000.000	22.000.000	35.053.999	35.053.999	159,3	159,3
-	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	\					
-	- Thuế GTGT	17.000.000	17.000.000	30.053.999	30.053.999	176,8	176,8
-	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	100,0	100,0
-	- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	208.000.000	180.000.000	193.839.601	161.294.040	93,2	89,6
-	- Thu cấp quyền sử dụng đất	200.000.000	180.000.000	179.215.600	161.294.040	89,6	89,6
-	- Thuế thu nhập cá nhân	8.000.000	-	14.624.001			
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**				-		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**4.492.000.000**	**4.492.000.000**	**4.095.768.990**	**4.095.768.990**	**91,2**	**91,2**
-	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.492.000.000	4.492.000.000	2.338.000.000	2.338.000.000	52,0	52,0
-	- Bổ sung có mục tiêu	-	-	1.757.768.990	1.757.768.990		

UBND XÃ ĐỊNH B IÊN

Biểu số 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XÂY DỰNG CƠ BẢN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XÂY DỰNG CƠ BẢN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**4.729.000.000**	**180.000.000**	**4.549.000.000**	**1.062.661.311**		**2.418.234.100**	**22,47**		**53,16**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thôn tin	31.500.000		31.500.000	-		6.000.000	0,00		19,05
5	Chi phát thanh truyền thanh	-								
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000			17.220.000	0,00		76,53
7	Chi bảo vệ môi trường	-								
8	Chi các hoạt động kinh tế	211.500.000	180.000.000	31.500.000						0,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.203.500.000		4.203.500.000	1.062.661.311		2.253.209.100	25,28		53,60
10	Chi cho công tác xã hội	175.000.000		175.000.000	-			0,00		0,00
11	Chi khác	-					54.660.000			
12	Dự phòng ngân sách	85.000.000		85.000.000	-		87.145.000	0,00		102,52